

Số: 12/2021/QĐST-HNGĐ

Na Hang, ngày 12 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 09/2021/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Triệu Thị X, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn NC, xã NK, huyện NH, tỉnh TQ.

- *Bị đơn*: Anh Triệu Hữu L, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn NC, xã NK, huyện NH, tỉnh TQ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2021,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thị X và anh Triệu Hữu L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Triệu Hữu L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là cháu Triệu Tuấn Đ1, sinh ngày 17/12/2011 và cháu Triệu Tuấn Đ2, sinh ngày 22/11/2017. Chị Triệu Thị X có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Triệu Hữu L đối với cháu Triệu Tuấn Đ1 là 500.000 đồng/tháng, đối với cháu Triệu Tuấn Đ2 là 500.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2021 cho đến khi cháu Đ1, cháu Đ2 đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng mỗi tháng 01 lần.

Các bên đương sự có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của anh Triệu Hữu L, nếu chị Triệu Thị X chậm thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Triệu Thị X nhận nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị X đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0002244 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Triệu Thị X đã nộp đủ tiền án phí. Anh Triệu Hữu L không phải nộp án phí.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã NK (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Triệu Ngọc Thúc